

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02/12/2022

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thạch

Bà Nguyễn Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn C, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2022, bản tự khai ngày 09/9/2022 và ngày 21/9/2022 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Văn C trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/8/2014. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình bố mẹ anh C. Vợ chồng sống với nhau được 02 năm nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh C thường hay cờ bạc, rượu trà, mỗi lần say xỉn về anh yêu cầu chị đưa tiền để anh đi chơi tiếp, chị không có tiền đưa thì anh gây gổ, đánh đập chị, cũng trong thời kỳ hôn nhân anh C vi phạm pháp luật nên bị đi tù 03 lần mất 5 năm. Vì vậy tình cảm vợ chồng mất mát. Chị và 02 con đã về sống bên gia đình bố mẹ chị từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay, hai bên ly thân nhau từ đó, mặc dù chị và gia đình hai bên đã nhiều lần

động viên, góp ý để anh C thay đổi nhưng không có kết quả. Đầu năm 2022 anh C ra tù nhưng vẫn không thay đổi mà vẫn chứng nào tật nấy, hăm dọa làm chị càng sợ hãi hơn. Do đó, chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị T trình bày: Vợ, chồng có 02 con chung là Lê Nguyễn Nhật V, sinh ngày 03/9/2014 và Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/11/2017, lâu nay 02 con vẫn ở với chị nhưng khi anh C ra tù đầu năm 2022 anh đến tranh giành cả 02 con về nuôi từ ngày 05/01/2022 (tết) cho đến nay, không cho chị thăm hỏi, chăm sóc, tiếp xúc. Việc Tòa án yêu cầu về hướng dẫn cho con viết trình bày nguyện vọng ở với ai nhưng chị không thể nào tiếp xúc con tại nhà được mà phải đến trường nơi con học nhờ nhà trường. Khi nộp đơn ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi một con, giao cho anh C một con, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không đến hòa giải và không hợp tác làm việc nên hiện nay chị có nguyện vọng nuôi cả hai con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 2 con, vì chị đủ khả năng và điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn C đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, anh C chỉ có một lần đến Tòa để giải quyết vụ việc nhưng anh C đã bỏ về giữa chừng, không chịu viết bản tự khai, không thể hiện ý chí, nguyện vọng gì, không tham gia hòa giải nên Tòa án không thực hiện được việc hòa giải. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt trực tiếp giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C tại thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình nhưng anh C từ chối nhận các văn bản tố tụng, Tòa án đã lập biên bản và thực hiện việc niêm yết hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ hai, anh C vắng mặt không có lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả hỏi tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T xin ly hôn anh Lê Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lê Văn C có địa chỉ cư trú và địa chỉ nơi làm việc tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn C dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp, niêm yết thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C vắng mặt không có lý do, mặc dù đang có mặt tại địa phương. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật quy định. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì chị T và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 06/8/2014 là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Về mâu thuẫn: Theo trình bày của nguyên đơn chị T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T và anh C không tìm được tiếng nói chung, anh C thường xuyên ăn chơi, về nhà gây gổ, đánh đập chị, trong thời gian chung sống anh C đã đi tù 03 lần với thời gian là 05 năm, chị T đã góp ý, nhắc nhở nhiều lần nhưng sau khi ra tù mà anh C vẫn không thay đổi nên tình cảm vợ chồng mất mát, không thể cải thiện, hàn gắn được.

[2.3]. Qua xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh C thực tế như chị T trình bày. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải nhiều lần để vợ chồng có thể thông cảm, bỏ qua cho nhau cải thiện lại cuộc sống, xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái nhưng anh C vẫn vắng mặt kể cả tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù Tòa án đã thực hiện biện pháp tổng đạt trực tiếp mà anh C từ chối nhận nên Tòa án niêm yết văn bản hợp lệ, hiện nay anh C đang sinh sống tại địa phương thôn Đ, xã D, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Chứng tỏ anh C cố tình không chấp hành giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, từ bỏ quyền lợi nghĩa vụ của mình, không có thiện chí hòa giải để bảo vệ hạnh phúc gia đình và không tha thiết hàn gắn tình cảm với chị T nữa.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T, anh C được ly hôn nhau là có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4]. Về con chung: Vợ, chồng có hai con chung Lê Nguyễn Nhật V, sinh ngày 03/9/2014 và Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/11/2017, trước đây 02 con ở với chị T, từ ngày 05/01/2022 (tết) đến nay 02 con ở với anh C và mẹ anh C (bố đã mất), Chị T không thăm nom, chăm sóc được, chị có nguyện vọng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích, phân tích về quyền lợi mọi mặt của các con và trách nhiệm của bố, mẹ đối với con khi ly hôn. Anh C không đến phiên tòa, không thể hiện ý chí nguyện vọng quan điểm gì về con, Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của chị T là chính đáng nhưng xét về thực tế 02 con đang ở với anh C và mẹ anh C, con đầu Lê Nguyễn Nhật V có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với bố, do đó, để giảm bớt gánh nặng cho một bên nên cần giao cho mỗi người nuôi 01 con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn C được ly hôn nhau.

2. Giao con chung Lê Nguyễn Nhật V, sinh ngày 03/9/2014 cho anh Lê Văn C được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung Lê Nguyễn Nhật A, sinh ngày 04/11/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh C, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0004477 ngày 07/7/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/12/2022), bị đơn anh Lê Văn C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- UBND xã D(đã ĐKKH ngày 06/8/2014);
- Lưu: HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhân

